

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Mỹ đối với thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam

TS. TRẦN VĂN NAM

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại hiện tồn tại đối với mọi ngành sản xuất, nhưng có thể cho rằng chúng có ảnh hưởng rất quan trọng đến quá trình trao đổi những sản phẩm nông sản chế biến trên thị trường quốc tế. Gần đây, một số lượng đáng kể các doanh nghiệp VN có hàng xuất khẩu bị ách lại tại các cảng của Mỹ, do chúng không đạt các yêu cầu về an toàn vệ sinh, an toàn thực phẩm của các quy định kỹ thuật chặt chẽ của Mỹ, gây tổn thất cho nhà xuất khẩu. Bài viết này, ngoài mục tiêu nhận dạng các loại rào cản kỹ thuật với các sản phẩm thủy sản do Mỹ đang áp dụng, đã tìm hiểu những biểu hiện, tác động của hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Mỹ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản VN. Các đề xuất góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng xuất khẩu vào thị trường quan trọng này.

1. Tình hình xuất khẩu thủy sản của VN vào thị trường Mỹ trong thời gian gần đây.

Từ năm 1994, khi Mỹ bỏ lệnh cấm vận thương mại với VN, hàng thủy sản VN đã bắt đầu được xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Hiệp hội các nhà xuất khẩu thủy sản của VN (VASEP) và những thành viên như Seaprodex, Agrifish, etc. đã sớm có mặt trên thị trường Mỹ. Vài năm sau khi Hiệp định thương mại Việt Mỹ được ký kết, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của VN đã tăng đáng kể lên tới hơn 2 tỷ USD năm 2002 và 2003. VN hiện đang đứng hàng thứ 14 so với hàng thứ 26 những năm 1990 trong số các nước xuất khẩu thủy sản và cá. Thủy sản VN xuất khẩu sang thị trường Mỹ ngày càng trở nên đa dạng hơn. Cá tra và cá basa của VN đã đạt một thị phần đáng kể trong tổng lượng thủy sản nhập khẩu

của Mỹ, và người tiêu dùng Mỹ đã ngày một quen với các mặt hàng này. Đó cũng là động lực cho các nhà sản xuất của VN đẩy mạnh xuất khẩu của họ sang thị trường Mỹ. Năm 2003, Mỹ nhập khẩu 617 triệu USD trị giá hàng thủy sản của VN, bao gồm hơn 30 loại và khoảng 100 sản phẩm khác nhau [1].

Vấn đề cốt lõi đối với các nhà xuất khẩu VN xuất khẩu sản phẩm sang Mỹ và các thị trường chủ yếu khác, các sản phẩm này phải đáp ứng các yêu cầu quy định về an toàn thủy sản hiện hành [2]. Nói chung, các rào cản kỹ thuật trong thương mại có thể được xem như các biện pháp nhằm làm cho các nhà xuất khẩu thủy sản nước ngoài phải (1) tuân theo các tiêu chuẩn và quy định mang tính kỹ thuật; (2) phù hợp với quy định về nhãn mác sản phẩm; (3) kiểm soát được các hành động gian lận thương mại; (4) tuân theo các quy định về xuất xứ sản phẩm; và (5) đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường [3].

2. Các hàng rào kỹ thuật (TBTs) trong thương mại của Mỹ.

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại hiện có thể chia làm 3 nhóm [4] sau:

1. Các biện pháp đối với người tiêu dùng: các biện pháp quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm bao gồm nhãn mác, đóng gói, dư lượng thuốc trừ sâu, hàm lượng dinh dưỡng và tạp chất. Các quy định này có thể cho phép một quốc gia sử dụng các rào cản nhằm đảm bảo hàng hoá an toàn.

2. Các biện pháp thương mại: các biện pháp được thực hiện nhằm ngăn chặn gian lận thương mại bao gồm các chứng từ vận chuyển và tài chính, các tiêu chuẩn nhận dạng và các tiêu chuẩn đo lường.

3. Các quy định về dịch tễ vệ sinh an toàn (Sanitary and phytosanitary):

các quy định này được các nước đưa ra để bảo vệ sức khỏe cho người, vật nuôi và cây trồng.

Sự trở dậy của các hàng rào kỹ thuật vô hình trong thương mại đã tạo ra một môi trường thương mại không tích cực, thông thoáng. Trong khi một số các rào cản kỹ thuật trong thương mại có cơ sở khoa học thì rất nhiều hàng rào khác lại không có cơ sở và chúng được sử dụng ngày càng nhiều để hạn chế tự do thương mại. Từ giữa những năm 1990, Bộ nông nghiệp Mỹ đã đánh giá các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Mỹ đạt trị giá 5 tỉ USD, là đối tượng bị áp dụng các rào cản kỹ thuật trong thương mại của 63 nước trên thế giới. Trong vài năm gần đây, Mỹ đã gia tăng đáng kể việc giám sát nhập khẩu tại các cửa khẩu dẫn đến kết quả là danh mục các sản phẩm nhập khẩu bị giám sát đã không ngừng tăng lên.

3. Các thể chế và quy định của Mỹ đối với ngành hàng thủy sản nhập khẩu

3.1 Các thể chế của Mỹ đối với thủy sản nhập khẩu:

Cơ quan thực phẩm và dược phẩm Mỹ (FDA) là một cơ quan của Bộ y tế (DHHS) và chăm sóc sức khỏe cộng đồng (PHS). Tất cả các thực phẩm phải được sản xuất phù hợp với các tiêu chuẩn của Cơ quan thực phẩm và dược phẩm Mỹ. FDA chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm (trừ thịt, thịt gia cầm, trứng sấy khô và đông lạnh, các loại đồ uống có cồn, thuốc lá, mỹ phẩm, dược phẩm, các chế phẩm sinh học, các dụng cụ y tế và các sản phẩm X-quang). FDA có nhiệm vụ đảm bảo rằng các thực phẩm nhập vào Mỹ phải là các sản phẩm an toàn, sạch, không độc hại, đúng nhãn mác với đầy đủ các thông tin về sản phẩm. FDA đã triển khai một số chương trình an toàn thực phẩm. Năm 1994, FDA đề xuất các quy định về Hệ thống điểm kiểm soát tới hạn và phân tích mối nguy (HACCP) [5] đối với thủy sản. Tháng 12 năm 1995, FDA chính thức ban hành Hệ thống điểm kiểm soát tới hạn và phân tích mối nguy. HACCP đã được xác nhận bởi các cơ quan như Viện khoa học quốc gia, Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentations Commission) và Ủy ban tư vấn quốc gia về các tiêu chuẩn vi sinh

đối với thực phẩm.

Cục hải quan Mỹ là một cơ quan trực thuộc Bộ tài chính Mỹ chịu trách nhiệm đánh giá và thu thuế nhập khẩu, kiểm soát hàng hoá, con người và các đối tượng nhập vào hoặc xuất ra khỏi nước Mỹ.

Cơ quan thủy, hải sản quốc gia Mỹ (NMFS) trực thuộc Vụ hải dương quốc gia, Bộ thương mại Mỹ. Các sản phẩm hải sản nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu của cơ quan này và của cả Cơ quan thực phẩm và dược phẩm Mỹ. NMFS quản lý ngành cá ở Mỹ và từ khi có đạo luật về thị trường nông nghiệp năm 1946, NMFS cung cấp dịch vụ giám định chuyên ngành tự nguyện. Chương trình giám định sản phẩm thủy sản của NMFS cung cấp một loạt các dịch vụ giám định chuyên ngành nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định áp dụng đối với thực phẩm. Hơn nữa, cơ quan này còn cung cấp các dịch vụ chứng thực, phân loại và đánh giá chất lượng sản phẩm.

3.2. Các quy định của Mỹ đối với thủy sản nhập khẩu:

Luật thực phẩm: Các thực phẩm nhập khẩu vào Mỹ không chỉ là đối tượng chịu thuế nhập khẩu mà còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng và phẩm cấp để đảm bảo cung cấp thực phẩm an toàn.

Đạo luật chống khủng bố sinh học năm 2002 (BTA) [6]. Việc ban hành đạo luật này tạo điều kiện cho FDA phản ứng nhanh chóng trước các nguy cơ khủng bố và ra các báo hiệu khẩn cấp liên quan đến việc cung cấp thực phẩm. Đạo luật này quy định rằng FDA và Hải quan cửa khẩu (CBP) có thể cấm nhập các thực phẩm nhập khẩu không đăng ký theo quy định và các sản phẩm không có đủ những thông tin cần thiết. FDA và CBP đã ban hành hướng dẫn thực hiện trong đó giải thích các cơ quan chức năng làm thế nào để thực thi các quy định này. Theo bản hướng dẫn, trong tám tháng đầu thực hiện, các cơ quan chức năng tập trung vào việc đào tạo hướng dẫn cho các bên có liên quan thay vì từ chối tiếp nhận các lô hàng không đạt yêu cầu. Đạo luật bắt đầu có hiệu lực từ 12.8.2004 và được áp dụng rộng rãi từ 1.11.2004. Đạo luật này có nhiều quy định được xem như những rào cản thương mại đối với hàng hóa hiện đang và sẽ được nhập khẩu vào Mỹ.

Luật về nhãn hiệu hàng hóa: Tại Mỹ tồn tại nhiều quy định do các cơ quan chức năng khác nhau ban hành nhằm bảo vệ lợi ích của các chủ sở hữu về nhãn hiệu, tên thương mại, tác quyền và sáng chế. Đạo luật về nhãn hiệu năm 1946 cấm nhập khẩu những sản phẩm làm nhái theo những thương hiệu đã được đăng ký tại Mỹ, hoặc gây tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Đạo luật thuế quan năm 1930 cho phép các cơ quan hải quan Mỹ cấm nhập các sản phẩm từ nước ngoài mang nhãn hiệu đã được các tổ chức, công dân Mỹ đăng ký tại Mỹ. Các quy định của Mỹ cũng cho phép các chủ sở hữu những đối tượng như nhãn hiệu hàng hóa và tác giả nộp đơn xin bảo hộ tại cơ quan có thẩm quyền và nộp phí đăng ký theo quy định.

Hệ thống đăng ký quốc gia Mỹ: Có hai đạo luật quy định về chức năng cơ bản của hệ thống đăng ký quốc gia và phạm vi ban hành các quy phạm pháp luật liên quan là Đạo luật về đăng ký toàn liên bang và Đạo luật về các thủ tục hành chính. Đạo luật về các thủ tục hành chính ban hành năm 1934 thiết lập một hệ thống đồng bộ các quy định quản lý hành chính, còn Đạo luật đăng ký toàn liên bang ban hành năm 1946 đã bổ sung những yêu cầu quan trọng áp dụng cho hệ thống đăng ký liên bang.

Các yêu cầu về dán nhãn hàng hóa. Về nguyên tắc, tất cả các sản phẩm phải được kiểm tra và dán nhãn đáp ứng các quy định và điều luật tương thích. Theo Đạo luật về thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm toàn liên bang (FD&C Act), mỗi nhãn hiệu thực phẩm phải chứa đựng các thông tin cụ thể, dễ nhận biết mà các khách hàng bình thường cũng có thể đọc và hiểu theo những điều kiện thông thường khi mua và sử dụng. Tất cả các thực phẩm phải có nhãn hiệu bằng tiếng Anh, chứa đựng các thông tin về thành phần, dinh dưỡng, cách sử dụng, giá trị chuẩn khi sử dụng hàng ngày, nước xuất xứ, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu v.v... bằng tiếng Anh.

Các quy định về phụ gia thực phẩm. Các phụ gia thực phẩm phải được kiểm duyệt trước khi đưa ra thị trường. Trước khi chào bán một loại thực phẩm hoặc phụ gia tạo màu vào thị trường Mỹ, nhà sản xuất phải nộp đơn yêu cầu lên FDA để được phê duyệt. Một đơn xin

phê duyệt về thực phẩm hoặc phụ gia tạo màu phải có các bằng chứng thuyết phục rằng chất phụ gia đó thực sự có tác dụng như dự kiến. FDA sau đó dựa trên cơ sở tiền bộ khoa học hiện có sẽ quyết định chuẩn thuận nếu chất phụ gia đó an toàn theo các điều kiện sử dụng đã được đề xuất.

4. Hàng rào kỹ thuật thương mại của Mỹ đối với thủy sản nhập khẩu từ VN

4.1 Các thách thức đối với thủy sản VN xuất khẩu sang thị trường Mỹ:

Để vào được thị trường Mỹ, tất cả các công ty nước ngoài phải tuân thủ theo HACCP để đạt mức phù hợp cơ bản. Trong các trang Web gần đây của cơ quan quản lý dược phẩm và thực phẩm của Mỹ (FDA) đưa tin một lượng đáng kể các thủy sản xuất khẩu từ VN đã bị từ chối [7]. Điều này là do Mỹ phát hiện thấy các thủy sản này có chứa các vi khuẩn gây bệnh như Salmonella, các hoá chất độc hại và các thành phần gây ngộ độc. Dưới đây là một số thí dụ về các nguyên nhân từ chối nhận hàng [8]:

Nguyên nhân: CLORAMP

Phần: 402(a)(2)(C)(i), 801(a)(3); ADULTERATION (lẫn tạp chất)

Căn cứ: Hàng có chứa phụ gia thực phẩm có tên gọi chloramphenicol là một loại phụ gia không an toàn cho người sử dụng theo điều 21 U.S.C. 348.

Nguyên nhân: Nhiễm khuẩn

Phần: 402(a)(1), 801(a)(3); ADULTERATION

Căn cứ: Sản phẩm có chứa chất gây ngộ độc gây hại cho sức khỏe của người tiêu dùng.

Theo thống kê không đầy đủ của một cơ quan có thẩm quyền, thủy sản VN bị Mỹ từ chối năm 2002 là 33,932 pounds trị giá 109,650 USD. Con số tương ứng năm 2003 là 65,124 pounds và 532,748 USD. Năm 2004, khối lượng thủy sản bị từ chối là 224,014 pounds trị giá 1,720,502 USD. Cùng nguồn tin cho biết, trong các nhà xuất khẩu của VN, năm 2002 có 5 công ty có hàng bị trả về, 7 công ty năm 2003 và 9 công ty năm 2004.

Phần lớn các nhà xuất khẩu khi được phỏng vấn khẳng định rằng thủy sản của họ đã được chế biến theo đúng các quy trình của HACCP và đã được kiểm tra bởi cơ quan giám định an toàn

thủy sản khu vực (Nafiquaveq) trước khi xuất sang Mỹ. Tuy nhiên, họ chỉ được phía đối tác Mỹ (người nhập khẩu) thông báo rằng sản phẩm của họ bị từ chối theo kết luận của FDA. Công bố trực tiếp của FDA lẽ tất nhiên sẽ buộc các nhà xuất khẩu phải đảm bảo sự phù hợp của các sản phẩm xuất khẩu của họ với các quy định hiện hành của Mỹ.

Tại Mỹ, trách nhiệm của người vi phạm là phải chứng minh họ không có lỗi. Đối với bên bán là các nhà xuất khẩu VN, việc sang Mỹ để khiếu kiện và bào chữa và là một việc làm tốn kém. Kết quả là các thủy sản bị từ chối, bị trả lại VN, sau đó nếu có thể chúng lại được tái chế và bán lại sang các thị trường khác [9]v.

4.2. Vụ tranh chấp gần đây về tên gọi cá Catfish:

Một trong những biện pháp rào cản kỹ thuật trong thương mại của Mỹ được áp dụng đối với thủy sản nhập khẩu từ VN là việc Mỹ cấm nhập khẩu cá catfish (cá tra/ basa) nuôi ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Hiệp hội nuôi cá Catfish của Mỹ (CFA) bắt đầu vụ tranh chấp khi nhận thấy các nhà sản xuất của VN đã chiếm 20% thị trường các file đông lạnh của Mỹ qua việc dùng nhãn mác gây nhầm lẫn cho người sử dụng. Những người nuôi cá catfish ở Mỹ đã tiến hành vận động hành lang Nghị viện để thông qua một đạo luật cấm sử dụng tên "catfish" đối với những loài cá da trơn không có nguồn gốc châu Mỹ. CFA lập luận rằng cá "catfish" của VN không phải là cá catfish và chỉ có các chủng cá Bắc Mỹ được biết đến với cái tên Ictaluridae được gọi với tên như vậy. Trên thực tế, các nhà sinh vật học đại dương nhận biết có hơn 2.000 chủng loại cá catfish.

Hạ viện Mỹ đã can thiệp với CFA và cấm các nhà xuất khẩu của VN sử dụng từ "catfish," mặc dù các chuyên gia về ngành cá vẫn khẳng định rằng các chủng loại cá của VN trông giống và có hương vị giống như các sản phẩm của Mỹ. Các thủ tục để cấm cá catfish của VN được dân mắc cá catfish [10] đã được tiến hành. Đạo luật [11] chỉ cho phép cá da trơn của VN được bán ở thị trường Mỹ với tên gọi là cá Basa Bocourti và Basa Catfish. Các nhà xuất khẩu của VN thực hiện theo đúng quy định của đạo luật và sau đó dán nhãn

mắc cá catfish của họ với cái tên "tra" hoặc "basa" [12]. Lệnh cấm nói trên đã kịp có tác dụng không tốt đối với hàng thủy sản xuất khẩu của VN. Năm 2001, một số hạ nghị sỹ [13] đề nghị Chính quyền Bush quy định sử dụng nhãn mắc xuất xứ bắt buộc (mandatory) [14] đối với cá catfish, đặc biệt cho những sản phẩm cá từ VN. Chính phủ Mỹ sau đó lại tiếp tục hỗ trợ các nông dân và những nhà sản xuất trong nước bằng cách ban hành đạo luật qui định các sản phẩm thịt và thủy sản dán mắc buộc phải gắn thông tin về nguồn gốc xuất xứ.

Những quyết định nhằm hạn chế nhập khẩu cá catfish của VN là một trong các yếu tố ảnh hưởng tới quan hệ thương mại giữa Mỹ và VN đối với mặt hàng thủy sản. Tuy nhiên, khi VN trở thành thành viên của WTO, tranh chấp có thể được đưa ra Ban Bồi thẩm của tổ chức này để giải quyết theo quy định của WTO. Nếu đối chiếu vào vụ tranh chấp về cá "sardine" giữa Peru và EU dưới đây có thể thấy rõ ràng rằng cá da trơn từ VN vẫn là cá "catfish" khi đưa vào thị trường Mỹ. Vụ tranh chấp này liên quan đến một tiêu chuẩn quốc tế về việc xếp loại cá sardines theo đó Liên minh châu Âu từ chối không thừa nhận cá sardines của Peru là cá sardines theo tiêu chuẩn châu Âu [15]. Peru đã tiến hành các bước theo quy định của hiệp định WTO để khởi kiện. Tháng 5.2001, Chính phủ Peru chính thức yêu cầu giải quyết vụ việc này theo những quy định về giải quyết tranh chấp của WTO, sau đó đề nghị lập một Ủy ban để xem xét lại quy định trên của EU. Lý do khiếu kiện của Peru là EU đã vi phạm Hiệp định về hàng rào kỹ thuật thương mại của Tổ chức thương mại quốc tế - TBT Agreement [16]. Cuối cùng Peru đã thắng kiện trước Ủy ban giải quyết tranh chấp của WTO và kể cả tại Ban bồi thẩm sau đó.

5. Một số khuyến nghị đối với việc xuất khẩu thủy sản của VN sang Mỹ

5.1 Đối với các nhà chế biến và xuất khẩu:

Do các sản phẩm thủy sản phải đáp ứng tất cả các yêu cầu để qua được các điểm kiểm tra ở cửa khẩu của Mỹ, các nhà xuất khẩu của VN cần phải biết các quy định và tiêu chuẩn của Mỹ về chất lượng, kích cỡ, đóng gói, nhãn mắc, v.v..

Các nhà chế biến của VN cần chú trọng tăng cường các chương trình phòng chống rủi ro thông qua việc đánh giá sự phù hợp với HACCP trong sản xuất và chế biến. Điều này sẽ giúp các nhà xuất khẩu đảm bảo an toàn thực phẩm một cách hiệu quả hơn trong khâu chế biến để có thể qua bất kỳ một điểm kiểm tra nhập khẩu tại cửa khẩu ở Mỹ. Đề cập đến vấn đề nhãn mắc, tất cả các thành viên của VASEP cần chú ý đầy đủ tới các quy định của VN hiện nay chẳng hạn như Thông tư số 03/2000/TT-BTS của Bộ thủy sản hướng dẫn thực hiện Quyết định 178/1999/QĐ-TTg quy định về dán nhãn mắc đối với các sản phẩm thủy sản để đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp VN đều phải có nhãn mắc phù hợp.

Nhằm giúp các công ty thủy sản của VN chứng tỏ năng lực cạnh tranh của mình và có được chỗ đứng vững vàng trên thị trường Mỹ, họ cần cần nhắc các cách để đảm bảo chất lượng cao cho các sản phẩm của họ xuất sang Mỹ. Để đạt được mục tiêu này, tất cả các công ty cần phải:

- (1) Tiến hành các chương trình phòng ngừa nguy cơ lây nhiễm các hoá chất độc hại đối với các sản phẩm thủy sản xuất khẩu.
- (2) Lấy chứng nhận sản phẩm không có tạp chất, hoá chất và các vi sinh gây hại cho tất cả các sản phẩm xuất khẩu.
- (3) Chú trọng không buôn bán hoặc sử dụng các hoá chất độc hại trong chế biến thủy hải sản.
- (4) Tăng cường đầu tư các thiết bị hiện đại và đảm bảo chất lượng sản phẩm bằng việc áp dụng ISO 9000, ISO 14000 và các tiêu chuẩn HACCP [17].
- (5) Thiết lập mối quan hệ gần gũi giữa các nhà cung cấp thủy hải sản và các công ty chế biến và chủ động tiến hành ký kết hợp đồng thu mua với ngư dân vào đầu vụ thu hoạch để đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu bền vững.

Bằng việc áp dụng các biện pháp này, cả các nhà xuất khẩu và chế biến có khả năng hạn chế rủi ro thiếu nguyên liệu và đối phó một cách hiệu quả với các hàng rào được dựng lên để ngăn cản dòng sản phẩm hải sản nhập khẩu có xu hướng tăng đều từ VN gần đây.

5.2 Đối với các nhà hoạch định chính sách và cơ quan hữu quan:

Khi còn chưa gia nhập WTO, VN vẫn chưa thể sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO để bảo vệ quyền lợi của mình. VN cần tăng cường hơn nữa trong nỗ lực làm cho các quy định hiện hành của mình phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định quốc tế, thể hiện rõ trên cơ sở các hiệp định thương mại song phương, đa phương và khu vực. Một khi đã trở thành thành viên của WTO, VN có thể công nhận Hiệp định TBT của WTO và khởi kiện Mỹ tại cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để dành tên gọi "catfish" cho các chủng loại cá basa pangasius đang được xuất khẩu sang Mỹ hiện nay.

Nhà nước cần lập kế hoạch để tiến hành ký kết một hiệp định cấp chính phủ với Mỹ để công nhận lẫn nhau kết quả xét nghiệm của cơ quan có thẩm quyền đối với các sản phẩm thủy sản. Để hỗ trợ cho các nhà sản xuất trong nước đảm bảo an toàn thủy sản khi đưa vào thị trường Mỹ, Chính phủ VN cần có định hướng và xúc tiến đàm phán với FDA Mỹ nhằm tranh thủ sự trợ giúp trong việc phổ biến và ứng dụng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của Mỹ cho các đối tượng có liên quan của VN. Do các nguồn lực của VN hiện còn có những hạn chế, sự hỗ trợ trước tiên cần tập trung vào việc đào tạo các kỹ thuật viên giám định thủy sản. Cần tiếp tục mở các khóa đào tạo ngắn hạn về chế biến thủy sản, giám định, xuất khẩu, thu mua và chứng nhận chất lượng sản phẩm [18]. Sự hỗ trợ này bao gồm cả việc mời FDA của Mỹ và các chuyên gia về thủy sản tiến hành các khóa đào tạo thường xuyên tại VN như họ đã tiến hành đối với các đối tác thương mại chủ yếu xuất khẩu thủy sản vào Mỹ.

Đối với Bộ thủy sản, cơ quan quản lý trực tiếp về các lĩnh vực nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và tiêu thụ thủy hải sản, điều cần làm thường xuyên là có kế hoạch và ngân sách để tuyên truyền rộng rãi tại cấp cơ sở, triển khai các lớp tập huấn cho ngư dân và các nhà sản xuất, khuyến cáo họ không sử dụng các chất kháng sinh và các hoá chất độc hại nhằm tạo dựng một môi trường thủy hải sản sạch. Những chiến dịch như vậy sẽ đem lại lợi ích cho cả các ngư dân và các nhà xuất khẩu thủy hải sản, đảm bảo các lô hàng xuất khẩu sau khi rời VN sẽ không trở thành nạn nhân của các tiêu

chuẩn khắt khe của Mỹ.

Bộ thủy sản cần nhanh chóng soạn thảo và ban hành Quy chế truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản (traceability) nhằm quy định trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị liên quan tới hoạt động mã hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản. Đối tượng áp dụng bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước, vùng nuôi thủy sản, các cơ sở sản xuất/kinh doanh thủy sản. Quy chế truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản giúp các cơ quan có thẩm quyền có khả năng nhận diện một thực phẩm, sẵn sàng loại bỏ sản phẩm thủy sản không an toàn thực phẩm từ thị trường và cơ sở phân phối để đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và chính lợi ích của những người xuất khẩu thủy sản.

Kết luận

Là một trong những nước xuất khẩu thủy sản mới nổi, các sản phẩm từ VN không được hưởng những ưu đãi khi gia nhập thị trường Mỹ do hiện còn tồn tại các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, đặc biệt là các quy định khắt khe đối với sản phẩm nông sản, thủy hải sản. Do các rào cản kỹ thuật trong thương mại của Mỹ trở nên chặt chẽ hơn và đa dạng hơn, các nhà chế biến và xuất khẩu của VN đang buộc phải chú ý hơn tới các rào cản này để đảm bảo tạo dựng được chỗ đứng và thị phần bền vững trên thị trường Mỹ. Chính phủ VN cần có các động thái mạnh mẽ hơn trong công cuộc hội nhập, nhất là nỗ lực trở thành thành viên của WTO, để giúp các doanh nghiệp và người sản xuất các sản phẩm nông sản, thủy hải sản bảo vệ có hiệu quả các lợi ích hợp pháp của mình khi nhằm đến các thị trường xuất khẩu ngoài nước ■

Ghi chú

- [1] Lê Hoàng Lan, "Improving the competitiveness of SEAPRODEX Hanoi in the US market," Khóa luận tốt nghiệp, Chương trình MBA, CFVG Hà Nội, 2004
- [2] Tony Chamberlain, Improving HACCP application in the Pacific Islands, Xem thêm tại trang web http://www.spc.int/coastfish/Sections/training/SIG-Training/Sig17ENG/Sig17_P03_1.htm.
- [3] Nguyễn Tử Cường, SPS on aquatic products in EU, Hội thảo do MUTRAP tổ chức về xuất khẩu thủy sản sang EU: Meeting International sanitary standards, TP. Hồ Chí Minh, 15/11/2004
- [4] John Skorburg, Technical Barriers to Trade, American Farm Bureau Federation, Nov. 1, 1998. Xem thêm tại <http://www.fb.org/issues/analysis/tradebar.html>.

[5] Chương trình HACCP áp dụng cho các nhà sản xuất chế biến thủy sản tại Hoa Kỳ được thông báo trước hai năm sau khi có hiệu lực thực thi từ ngày 18/12/1997. Đó là một hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm thông qua việc xác định các điểm mà tại đó có nguy cơ vi phạm an toàn thực phẩm, vạch kế hoạch để kiểm soát và phòng ngừa vi phạm.

[6] Audrey B. Talley, "Update on Bioterrorism Act Enforcement," Food Safety and Technical Services Division, International Trade Policy, FAS, 2004.

[7] Xem thêm về danh mục các sản phẩm của Việt Nam bị FDA từ chối cho phép nhập khẩu và lý do từ chối tại trang web http://www.fda.gov/ora/oasis/1/ora_oasis_c_vn.html từ tháng 1/2004 và http://www.fda.gov/ora/oasis/12/ora_oasis_c_vn.html đến tháng 12/2004

[8] Xem thêm tài liệu trang web http://www.fda.gov/ora/oasis/5/ora_oasis_c_vn.html for more.

[9] Phỏng vấn của tác giả đối với một số doanh nghiệp xuất hàng thủy sản đi Mỹ, là các thành viên VASEP tại miền Trung và Nam bộ vào tháng 12/2004 and tháng 1/2005.

[10] Trần Văn Nam, "Un-Free Trade with Developing Countries: A Case Study of the Current Catfish Dispute between US and Vietnam," Trình bày tại Đại học Washington, USA, ngày 14/5/2003.

[11] Tại tiểu mục 755 Luật số 107-76, Mỹ ban hành năm 2002 quy định về việc dán nhãn đối cá catfish nhập khẩu ghi như sau: "Không tiếp tục cung cấp các nguồn kinh phí làm việc cho FDA nếu cơ quan này tiếp tục làm thủ tục cho các loại cá da trơn nhập khẩu vào Mỹ mà không thuộc họ Ictaluridae."

[12] Diệp Thái, Does free trade mean freely trade to developing countries? A case study of catfish dispute between US and Vietnam, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Buffalo, USA năm 2003.

[13] Ronnie Shows and Bennie Thompson, hai Nghị viên Đảng Dân chủ đến từ khu vực sông Mississippi

[14] Đạo luật Dán nhãn sản phẩm từ nguồn xuất xứ "Country-of-Origin Labeling Bill" (H.R.2439) yêu cầu các nhà bán lẻ phải thông báo cho khách hàng về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mà họ đã bán. Theo quy định của Luật này, cá da trơn của Việt Nam phải được dán nhãn "Sản phẩm từ Việt Nam" hoặc "Made in Vietnam."

[15] Raymond Schonfeld và John Dobinson, Using International Standards: A Wake-Up Call to Regulators? Xem thêm tại trang web http://www.astm.org/SNEWS/JANU-ARY_2004/schondob_jan04.html. Lần đầu tiên, Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của WTO (WTO/TBT Agreement) được sử dụng để buộc một quốc gia thành viên của WTO sửa đổi một quy định tiêu chuẩn kỹ thuật để phù hợp và hài hòa với các chuẩn kỹ thuật quốc tế.

[16] Xem thêm về Sardines Panel Sides With Peru tại trang web <http://www.ictsd.org/weekly/02-06-04/story3.htm>. Ủy ban giải quyết tranh chấp kết luận rằng Quy định của EU không công nhận cá sardine Pêru là không phù hợp với Khoản 4, điều 2 của Hiệp định TBT.

[17] Đinh Văn Thành, Rào cản trong thương mại quốc tế, NXB Thống kê, Hà Nội, 2005, trang 266.

[18] Đào Ngọc Chương, Hàng rào kỹ thuật trong thương mại và những tác động, Tạp chí Thương mại, số 38, 2004; trang 5.